

Phụ lục
YÊU CẦU KỸ THUẬT GÓI THẦU THUÊ DỊCH VỤ VỆ SINH CÔNG
NGHIỆP TRONG THỜI GIAN 24 THÁNG NĂM 2026-2028
(Đính kèm Yêu cầu báo giá số /TM-ĐD ngày tháng năm 2026 của
Bệnh viện HNĐK Nghệ An)

1. Nhân lực

1.1. Yêu cầu kỹ thuật

- Có chứng minh thư nhân dân hoặc căn cước công dân, không trong thời gian truy cứu trách nhiệm hình sự. Nam: dưới 62 tuổi; nữ: dưới 58 tuổi tính đến 30/11/2028. Đối với nhân lực làm việc trong các môi trường nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm theo Thông tư số 11/2020/TT- BLĐTBXH: Nam: dưới 57 tuổi; nữ: dưới 53 tuổi tính đến 30/11/2028
- Được đào tạo về vệ sinh môi trường bề mặt, quy trình vệ sinh bệnh viện và quản lý chất thải y tế bệnh viện do đơn vị có chức năng đào tạo cấp theo Hướng dẫn vệ sinh môi trường bề mặt trong các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh ban hành kèm theo quyết định 3916/QĐ-BYT ngày 28/08/2017 của Bộ trưởng Bộ Y tế.
- Nhân lực làm việc phải đạt sức khỏe tối thiểu loại 3 theo quyết định số 1613/BYT-QĐ ban hành ngày 15/08/1997. (Giấy khám sức khỏe do các cơ sở y tế tuyến tỉnh trở lên cấp)
- Nhân lực được đào tạo về an toàn vệ sinh lao động, an toàn hóa chất cho công tác vệ sinh công nghiệp (chứng chỉ/ chứng nhận/ thẻ an toàn lao động).
- Có tối thiểu 5 nhân lực thực hiện công tác vệ sinh trên cao ngoài tòa nhà, nhân công làm công việc có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn: phải có thẻ an toàn lao động trên cao, quyết định công nhận kết quả đào tạo an toàn của bên thứ 3 (bên thực hiện dịch vụ đào tạo ATVSLĐ).

1.2. Mô tả vị trí công việc

Theo sự phân công của phòng điều dưỡng, đảm bảo phục vụ công tác vệ sinh môi trường Bệnh viện với tổng diện tích xây dựng khoảng: 74.848 m²

ST T	Khoa/vị trí	Số lượng người	Phân bố thời gian làm việc		Vị trí làm thêm
			Làm hành chính	Làm ca	
Tòa nhà 7 tầng và Trung tâm Bệnh nhiệt đới					
1	Cấp cứu	3	0	03: làm theo ca	Phòng chụp X-quang, CT tại khoa cấp cứu, Phòng trực đồ vải khoa Kiểm soát



ST T	Khoa/vị trí	Số lượng người	Phân bố thời gian làm việc		Vị trí làm thêm
			Làm hành chính	Làm ca	
				(Ca1: từ 6h-14h, Ca 2: từ 14h-22h, Ca 3: từ 22h-6h)	<ul style="list-style-type: none"> - nhiễm khuẩn - Cầu thang bộ số 2 từ tầng 1 lên tầng 2 - Hành lang ngoài xung quanh khoa, nhà VSCC khoa cấp cứu - Cầu thang trượt đi từ khoa cấp cứu lên khoa gây mê - Ca 3: Hỗ trợ khoa chống độc sau 22h
2	Chống độc	2		02 người làm theo ca: (ca 1: 6h-14h, ca 2: 14h-22h)	Hành lang ngoài xung quanh khoa
3	Khám bệnh	4	4		<ul style="list-style-type: none"> - Đồ rác viện xanh - Hành lang đường xuống nhà ăn - Mái phía sau dọc tầng 2 - Khu vực khám yêu cầu
4	X- quang	1	1		<ul style="list-style-type: none"> - Phòng can thiệp mạch - Hành lang xung quang trong khoa, hành lang ngoài khoa . - Cầu thang bộ số 10 từ tầng 1 lên tầng 2
5	Ngoại Tổng hợp I	1	1		- Hành lang xung quanh khoa, đường xuống khoa kiểm soát nhiễm khuẩn
6	Vi sinh+ quản lý chất lượng+ phòng xét nghiệm tế bào	1	1		<ul style="list-style-type: none"> - Cầu thang bộ số 5, số 6, số 9 từ tầng 1 lên tầng 2 - Hành lang phía ngoài khoa: Từ chân cầu thang bộ số 4 đến cửa ngoài phòng trực lãnh đạo. - Nhà vệ sinh công cộng gần văn thư - Sảnh trước của khoa - Trước và trong cầu thang máy số 5- 6-

ST T	Khoa/vị trí	Số lượng người	Phân bố thời gian làm việc		Vị trí làm thêm
			Làm hành chính	Làm ca	
					7- 8
7	Nội thận nhân tạo- lọc máu	3	1	02 người làm theo ca: (ca 1: 6h- 14h, ca 2: 14h- 22h)	- Hành lang dưới chân cầu thang bộ số 7 đến cửa kính giáp khoa vi sinh - Cầu thang bộ số 7, số 8 tầng 1 lên tầng 3 - Sảnh ngoài của khoa, hành lang xuống TT Bệnh nhiệt đới
8	TT Bệnh nhiệt đới + Khoa sinh học phân tử	7	5	02 người làm theo ca: (ca 1: 6h- 14h, ca 2: 14h- 22h)	
9	Kiểm soát nhiễm khuẩn và giải phẫu bệnh	1	1		Hành lang từ khoa kiểm soát nhiễm khuẩn đến khu nhà ăn
10	Phòng CSHT và TTB	1	1		-Các phòng chức năng khoa Dinh dưỡng
11	Thăm dò chức năng	2	2		- Phòng kế hoạch tổng hợp, Hội trường giao ban trực tuyến, TT đào tạo- chỉ đạo tuyến, Hội trường 3, Hội trường 4. - Đồ rác viện hoa - Cầu thang bộ số 3 từ tầng 1 lên tầng 2 - Hành lang từ chân cầu thang bộ số 4 đến hành lang ngoài xung quanh khoa Sảnh cầu thang máy sảnh chính, phía trong cầu thang máy số 1-2-3-4

ST T	Khoa/vị trí	Số lượng người	Phân bố thời gian làm việc		Vị trí làm thêm
			Làm hành chính	Làm ca	
12	Khu vực hành chính	1	1		- Sảnh chính và cầu thang cuốn. - Cầu thang bộ số 4, số 11 từ tầng 1 lên tầng 2, cầu thang bộ số 12 tầng 1 lên tầng 3 - - Hội trường phòng tiếp dân, phòng photo bệnh viện,
13	Dược	1	1		- Hội trường tầng 2 và khu vực xung quanh hội trường, nhà VSCC hội trường - Cầu thang bộ từ số 7-8- 9 từ tầng 2 lên tầng 3 - Hành lang phía ngoài khoa, mái nhà cầu sang Trung tâm Bệnh nhiệt đới. - Trước, trong cầu thang máy số 7-8
14	Da liễu	1	1		- Hành lang từ cửa khoa đến đường xuống TT Bệnh Nhiệt Đới.
15	Ngoại Tiết niệu	2	2		- Hành lang ngoài xung quang khoa, mái ngoài khoa
16	Huyết học truyền máu và khoa hóa sinh	1	1		- Hành lang ngoài xung quanh khoa, hành lang từ chân cầu thang số 4 đến hành lang trước cửa vào khoa hồi sức tích cực, trước và trong cầu thang máy số 5-6 tầng 2 - Cầu thang bộ số 3 từ tầng 2 lên tầng 3
17	Gây mê hồi sức	6	4	02 người làm theo ca: (ca 1: 6h- 14h, ca 2: 14h- 22h).	Cầu thang bộ số 11 tầng 2 lên 3
18	Hồi sức tích cực	3	1	02 người làm theo	- Hành lang từ cửa khoa đến nhà vệ sinh công cộng của khoa, nhà vệ sinh công cộng của khoa - Cầu thang bộ số 2 từ tầng 2 lên tầng

ST T	Khoa/vị trí	Số lượng người	Phân bố thời gian làm việc		Vị trí làm thêm
			Làm hành chính	Làm ca	
				ca: (ca 1: 6h- 14h, ca 2: 14h- 22h).	3. -Mái tầng 2 trước khoa
19	Hội sức tích cực- ngoại khoa	4	2	02 người làm theo ca: (ca 1: 6h- 14h, ca 2: 14h- 22h).	- Hành lang ngoài xung quanh khoa Cầu thang bộ số 4- số 5 từ tầng 2 lên tầng 3, - Nhà vệ sinh công cộng ngoài khoa - Cầu thang bộ số 6 từ tầng 2 lên tầng 3 - Phòng thanh toán tầng 2 -Khu vực ghép tạng và nhà vệ sinh khu vực ghép tạng. - Hành lang phía ngoài khoa, phía ngoài khu vực ghép tạng.
20	Răng hàm mặt	1	1		- Hành lang ngoài xung quanh khoa, hành lang từ cửa khoa đến trước cửa Bồng, sảnh cầu thang máy tầng 3 số 1,2,3,4 - Phòng trả đồ vải tầng 3 - Cầu thang bộ số 3- 4 từ tầng 3 lên tầng 4
21	Ngoại tiêu hóa	2	2		- Hành lang ngoài xung quanh khoa , nhà vệ sinh công cộng của khoa
22	Chấn thương đơn nguyên 1	2	2		- Hành lang ngoài xung quanh khoa , mái ngoài khoa - Cầu thang bộ số 9 từ tầng 3 lên tầng 4 - Sảnh cầu thang máy số 7-8 tầng 3
23	Phẫu thuật thẩm mỹ+ đơn nguyên 2 chấn thương	1	1		- Hành lang ngoài xung quanh khoa thẩm mỹ, đơn nguyên 2 khoa chấn thương, nhi sơ sinh - Cầu thang bộ số 5- 6 từ tầng 3 lên tầng 4 - Phòng thanh toán tầng 3, phòng công nghệ thông tin, nhà vệ sinh công cộng trước phòng công nghệ thông tin.

ST T	Khoa/vị trí	Số lượng người	Phân bố thời gian làm việc		Vị trí làm thêm
			Làm hành chính	Làm ca	
24	Phẫu thuật thần kinh- cột sống+ Khoa Bỏng	3	3		- Hành lang ngoài xung quanh khoa , hành lang từ khoa đến điểm giao nhau với hành lang ngoài khoa răng hàm mặt - Cầu thang bộ số 2 tầng 2 lên 3, Cầu thang bộ số 10 tầng 3 lên 4 - Sảnh cầu thang máy số 5-6 tầng 3
25	Ngoại gan mật	1	1		Hành lang ngoài khoa
26	Nhi sơ sinh+ TT Hỗ trợ sinh sản	1	1		Hành lang ngoài khoa, Nhà vệ sinh công cộng của khoa và khoa sản
27	Sản Phụ	3	1	02 người làm theo ca: (ca 1: 6h- 14h, ca 2: 14h- 22h)	Cầu thang bộ số 11- 12 từ tầng 3 lên tầng 4. -Mái quây tạp hóa, quây thuốc tầng 3
28	Tai mũi họng	1	1		Cầu thang từ tầng 4 lên tầng 5 số 5-6- 9. làm mái ngoài khu vực của khoa
29	Phục hồi chức năng	1	1		- Cầu thang bộ xung quanh khoa số 12 từ tầng 4 lên tầng 5, làm mái ngoài khu vực của khoa - Sảnh chính cầu thang máy số 1,2,3,4 tầng 3
30	Nội tiêu hóa	2	2		Cầu thang bộ xung quanh khoa số 3-4- 10-11 từ tầng 4 lên tầng 5 , làm mái ngoài khu vực của khoa
31	Thần kinh	3	3		- Cầu thang bộ số 3-4-10 từ tầng 5 lên tầng 6
32	Trung tâm đột quy.				- Cầu thang bộ số 5- 6-9 từ tầng 5 lên tầng 6 - Sảnh cầu thang máy số 1,2,3,4 tầng 5
34	Y học cổ truyền	1	1		Cầu thang bộ số 11-12 từ tầng 5 lên tầng 6, nhà vệ sinh công cộng tại khoa
35	Tim mạch 1	3	3		Cầu thang bộ từ xung quanh khoa từ

ST T	Khoa/vị trí	Số lượng người	Phân bố thời gian làm việc		Vị trí làm thêm
			Làm hành chính	Làm ca	
	và tim mạch 2				tầng 6 lên tầng 7, sảnh cầu thang máy số 1,2,3,4 tầng 6
36	Phẫu thuật tim mạch lồng ngực	1	1		Cầu thang bộ số 11-12 từ tầng 6 lên tầng 7
37	Cơ xương khớp	1	1		- Cầu thang bộ xung quanh khoa - Mái tầng 7 khu vực khoa quản lý
38	Miễn dịch- dị ứng lâm sàng	1	1		- Hành lang khoa đến sảnh chính thang máy tầng 7, Khu vực từ phòng hành chính khoa nội hô hấp đến phòng thủ thuật vòng qua khoa miễn dịch- dị ứng lâm sàng - Cầu thang bộ xung quanh số 3-4 tầng 7 đi lên - Mái tầng 7 khu vực khoa quản lý
39	Nội tiết- ĐTD	1	1		- Cầu thang bộ số 5, số 9 tầng 7 đi lên. - Mái tầng 7 khu vực khoa quản lý
40	Nội hô hấp	1	1		- Cầu thang bộ xung quanh số 10 tầng 7 đi lên. -- Mái tầng 7 khu vực khoa quản lý
Tòa nhà Ban bảo vệ sức khỏe cán bộ					
41	Huyết học lâm sàng+ Khoa mắt	2	2		Cầu thang bộ, cầu thang máy đi lên khoa. Khu vực tầng 5 đi lên trên
42	Tầng 1- Tòa nhà ban bảo vệ+ vật tư	1	1		Cầu thang bộ, cầu thang máy đi lên khoa, hành lang lên xuống trung tâm dịch vụ
43	Nội A- lão khoa	2	2		- Cầu thang bộ, cầu thang máy đi lên khoa. - Mái giao giữa khoa Khám bệnh và toàn nhà Ban bảo vệ sức khỏe.
Khu vực chung					
44	Ngoại cảnh	3	3		- Ngoại cảnh trong toàn viện, khu vực phía ngoài trước bệnh viện bao gồm cả vỉa hè, khu vực trước nhà đại thể, khu tập kết rác, đường đi vào cổng số 4

ST T	Khoa/vị trí	Số lượng người	Phân bố thời gian làm việc		Vị trí làm thêm
			Làm hành chính	Làm ca	
45	Vận hành máy	2	2		Chạy máy đánh sàn, thực hiện vệ sinh tại hành lang và các sảnh, khoa gây mê, hồi sức
46	Định kỳ	3	3		- Lau quạt đảo chiều, quạt trần và kính, tường >3 mét, các vị trí cao khác > 3 mét, - Sắp xếp vào các vị trí khi có người nghỉ; - Tăng cường các khoa khi có yêu cầu đột xuất.
47	Vận chuyển rác	6	6		Làm sạch tầng hầm
48	Vệ sinh ngoài giờ khu vực công cộng	4	4	4 người làm từ 16h-22h	- Thu gom, vận chuyển rác các khu vực công cộng tại khu nhà 7 tầng và tòa nhà Ban bảo vệ sức khỏe CB Tỉnh. - Làm sạch tất cả khu vực nhà vệ sinh công cộng trong bệnh viện - Làm vệ sinh khi có sự cố phát sinh - Vệ sinh trong các thang máy.
49	Quản lý	2	2		
50	Dự Phòng	5			
Tổng		105	79	21	

2. Kế hoạch công việc:

2.1. Phạm vi chiều cao dưới 3m

TT	Khu vực được vệ sinh	Nội dung công việc	Tần suất (số lần tối thiểu)				Ghi chú
			Hàng ngày	Tuần	Tháng		
1	Hành lang lõi đi công cộng	Thu gom rác nội	x	x	x	x	Và khi cần
		Đánh sàn bằng máy đánh sàn chuyên dụng	x	x			
		Lau sàn bằng cây lau ướt	x	x			Và khi cần
		Lau sàn bằng cây lau khô	x	x			Và khi cần

TT	Khu vực được vệ sinh	Nội dung công việc	Tần suất (số lần tối thiểu)				Ghi chú	
			Hàng ngày		Tuần	Tháng		
		Thu gom và vận chuyển rác tới nơi quy định	x	x			và khi đầy	
		Lau hệ thống kính hành lang thấp dưới 03 m	x					
		Lau các biển báo, bình chữa cháy, bảng công tắc đèn	x					
		Lau tường (Làm sạch vách tường, chân tường, vết ố, bẩn...)	x			x		
		Xử lý các vết mốc tường					x	
		Lau vết bẩn, ố bám trên sàn	x			x		
		Lau ghế chờ, khu vực lan can	x			x		
		Quét mạng nhện trần, tường, lồng bảo vệ đèn.					x	Và khi bẩn
		Lau hóa chất trần kim loại bằng cây lau âm					x	Và khi bẩn
		Lau cửa kính chính, cửa chớp, cửa sổ và các kệ cửa sổ	x					
		Vệ sinh thùng đựng rác thải	x					Và khi bẩn
		Vệ sinh, thu gom rác chậu cây cảnh	x					
		Lau quạt làm mát, quạt hút gió: Tháo, làm sạch, lắp quạt					x	và khi bụi bẩn
		Lau hệ thống kính hành lang trên 03 m				x		
		Làm sạch cửa kính phía ngoài				x		
		Vệ sinh tổng thể				x		
		Kiểm tra và làm sạch suốt thời gian làm việc	Thường xuyên					
2	Cầu	Quét mạng nhện tường,					x	Và khi bẩn

TT	Khu vực được vệ sinh	Nội dung công việc	Tần suất (số lần tối thiểu)				Ghi chú		
			Hàng ngày	Tuần	Tháng				
	thang bộ	trần							
		Hệ thống cửa kính, cửa chớp	x				x	Và khi bản	
		Tẩy các vết bẩn trên sàn, tường, cầu thang	x				x		
		Lau sạch các vết bám trên bậc cầu thang	x				x		
		Lau sạch tay vịn, song chắn cầu thang	x				x		
		Vệ sinh thùng đựng rác thải	x						Và khi bản
		Thu gom rác nổi bằng chổi	x	x					Và khi bản
		Lau sàn bằng cây lau sàn ướt	x	x					Và khi bản
		Lau sàn bằng cây lau sàn khô	x	x					Và khi bản
		Lau các biển báo, bình chữa cháy, biển chỉ dẫn, quạt hút	x						
		Thu gom và vận chuyển rác tới nơi quy định	x	x					
		Đánh bóng sàn cầu thang định kỳ							x
		Xử lý các vết mốc tường							x
		Vệ sinh tổng thể						x	
		Kiểm tra và làm sạch suốt thời gian làm việc	Thường xuyên						
3	Cầu thang máy	Tẩy các vết dơ trên sàn, tường, góc thang máy	x						Và khi bản
		Thu gom rác nổi bằng chổi	x	x					
		Lau sàn bằng cây lau sàn ướt	x	x					
		Lau sàn bằng cây lau sàn khô	x	x					
		Lau hệ thống cửa và	x	x					

TT	Khu vực được vệ sinh	Nội dung công việc	Tần suất (số lần tối thiểu)				Ghi chú	
			Hàng ngày		Tuần	Tháng		
		rãnh cửa						
		Vệ sinh trần, thành cầu thang máy, bảng điều khiển bằng hóa chất	x	x			x	
		Thu gom và vận chuyển rác tới nơi quy định	x	x				
		Vệ sinh tổng thể				x		
		Kiểm tra và làm sạch suốt thời gian làm việc	Thường xuyên					
4	Nhà vệ sinh công cộng	Quét mạng nhện tường, trần thạch cao					x	Và khi bản
		Lau hóa chất trần kim loại bằng cây lau ẩm					x	Và khi bản
		Lau hệ thống kính chiếu sáng và kệ ô thoáng					x	
		Lau hệ thống quạt thông gió					x	
		Vệ sinh tường, chân tường, trần	x					
		Thu gom rác nội	x	x				Và khi bản
		Lau sàn bằng cây lau sàn chuyên dụng	x	x				Và khi bản
		Lau hệ thống các thiết bị vệ sinh: Bồn cầu, bồn tiểu nữ, bệ tiểu nam, bồn rửa tay, gương...	x	x				Và khi bản
		Lau cửa ra vào, cửa sổ, cửa chớp	x					
		Lau các biển chỉ dẫn, biển báo	x					
		Khử mùi, tiệt trùng bằng hóa chất chuyên dụng	x	x	x	x		Và khi bản
		Cọ rửa thùng rác, thay túi đựng rác	x	x				Và khi bản
		Tẩy vết ố của nhà vệ				x		

TT	Khu vực được vệ sinh	Nội dung công việc	Tần suất (số lần tối thiểu)				Ghi chú	
			Hàng ngày	Tuần	Tháng			
		sinh, sàn						
		Thay mới giấy lau tay, xà phòng	x					
		Thông tắc cống (nếu đơn giản)	Khi cần thiết					
		Thu gom và vận chuyển rác tới nơi quy định	x	x				
		Xử lý các vết mốc tường				x		
		Kiểm tra và làm sạch suốt thời gian làm việc	Thường xuyên					
5	Khu vực phòng bệnh thường	Lau cửa ra vào, cửa sổ, cửa chớp, rèm cửa	x					
		Quét mạng nhện tường, trần thạch cao, các lồng bảo vệ bóng đèn					x	Và khi bản
		Lau hóa chất trần kim loại bằng cây lau ẩm					x	Và khi bản
		Thu gom rác nổi bằng tải ẩm	x	x				Và khi bản
		Lau sàn phòng bệnh bằng cây lau và hóa chất chuyên dụng	x	x				Và khi bản
		Lau tủ đầu giường bệnh nhân	x					Và khi bệnh nhân ra viện
		Lau giường bệnh nhân					x	Và khi bệnh nhân ra viện, chuyên khoa, khi cần
		Lau quạt làm mát: Tháo, làm sạch, lắp quạt					x	và khi bụi bản
		Làm sạch nhà vệ sinh	x	x				Và khi bản, hội
		Tẩy vết ố, bản của					x	Và khi cần

TT	Khu vực được vệ sinh	Nội dung công việc	Tần suất (số lần tối thiểu)				Ghi chú			
			Hàng ngày		Tuần	Tháng				
		phòng bệnh, nhà vệ sinh								
		Vệ sinh mái ngoài của khoa	x	x						
		Lau bồn rửa tay, gương (nếu có)	x	x					Và khi bản	
		Vệ sinh thùng rác, thay túi đựng rác	x	x					Và khi cần	
		Khử mùi, tiệt trùng bằng hóa chất chuyên dụng	x	x						
		Thu gom và vận chuyển rác tới nơi quy định	x	x						
		Vệ sinh tổng thể					x			
		Xử lý các vết mốc tường							x	
		Kiểm tra và làm sạch suốt thời gian làm việc	Thường xuyên							
		6	Khu vực phòng bệnh chăm sóc đặc biệt, cấp cứu	Quét mạng nhện tường, trần thạch cao						x
Lau hóa chất trần kim loại bằng cây lau âm									x	Và khi bản
Thu gom rác nổi bằng tải âm	x			x						Và khi bản
Lau sàn bằng cây lau sàn và hóa chất chuyên dụng	x			x						Và khi bản
Lau tủ đầu giường bệnh nhân	x									Và khi bệnh nhân ra viện, chuyên khoa, khi cần
Lau giường, cang bệnh nhân	x									Và khi bệnh nhân ra viện, chuyên khoa, khi

TT	Khu vực được vệ sinh	Nội dung công việc	Tần suất (số lần tối thiểu)				Ghi chú	
			Hàng ngày		Tuần	Tháng		
							cần	
		Đồ dịch, khử mùi, khử trùng bình hút	x				Khi có dịch	
		Đánh cọ rửa dép đi trong phòng bằng xà phòng và dung dịch tiệt khuẩn	x				Ca 2 hoặc cuối ngày làm việc	
		Lau cửa ra vào, cửa sổ, cửa chớp, rèm cửa	x					
		Lau các vết bẩn trên tường, chân tường	x					
		Làm sạch nhà vệ sinh (nếu có)	x	x			Và khi bẩn, hôi	
		Xử lý các vết mốc tường				x		
		Quạt treo tường, quạt đảo trần nhỏ, quạt thông gió: tháo quạt, làm sạch, lắp quạt				x	và khi bụi bẩn	
7	Khu vực phòng bệnh chăm sóc đặc biệt, cấp cứu	Thu gom và vận chuyển rác tới nơi quy định	x	x				
		Vệ sinh thùng rác và thay túi đựng rác	x	x				Và khi cần
		Vệ sinh tổng thể				x		
		Xử lý các vết mốc tường					x	
		Kiểm tra và làm sạch suốt thời gian làm việc	Thường xuyên					
8	Phòng mổ, phòng đẻ, phòng thủ thuật	Quét mạng nhện tường, trần thạch cao, lồng bảo vệ bóng đèn. Lau hóa chất trần kim loại,					x	Và khi bẩn
		Thu gom rác nội bằng tải âm	x	x	x	x		
		Xử lý các vết mốc tường					x	
		Lau sàn bằng cây lau sàn và hóa chất chuyên	x	x	x	x		

TT	Khu vực được vệ sinh	Nội dung công việc	Tần suất (số lần tối thiểu)				Ghi chú
			Hàng ngày				
		dụng					
		Lau cửa ra vào, cửa sổ, cửa chớp	x				
		Đánh sàn của lối đi công công bằng máy chuyên dụng (nhà mô)	x				
		Quạt treo tường, quạt đảo trần nhỏ, quạt thông gió: tháo quạt, làm sạch, lắp quạt				x	
		Vệ sinh phòng sau mỗi ca mổ/ca đẻ/ca thủ thuật: Thu gom rác và thay túi đựng rác, tải mặt sàn đến tường, đổ dịch bình hút và khử khuẩn bình, thu gom đồ vải và áo phẫu thuật viên	x	x	x	x	
		Làm sạch , khử mùi nhà vệ sinh	x	x			Và khi bản, hôi
		Vệ sinh giá để dụng cụ vô khuẩn tại phòng để dụng cụ vô khuẩn	x				
		Vệ sinh giá để giày, dép tại phòng thay đồ của PTV, phòng đẻ	x				
		Đánh cọ rửa dép đi chuyên dụng trong các phòng bằng xà phòng và dung dịch tiệt khuẩn	x				Ca 2 làm vào cuối ngày làm việc
		Vệ sinh , khử khuẩn cáng/ bàn đẻ	x				Và khi bản
		Làm sạch sàn khu vực ngoài các phòng mổ, khu vực rửa tay, khử khuẩn dụng cụ	x	x	x	x	

TT	Khu vực được vệ sinh	Nội dung công việc	Tần suất (số lần tối thiểu)				Ghi chú			
			Hàng ngày					Tuần	Tháng	
9	Phòng mổ, phòng đẻ, phòng thủ thuật	Vệ sinh tại nơi tập kết rác, đồ vải bẩn	x	x	x	x				
		Vận chuyển rác, áo phẫu thuật viên đã sử dụng đến nơi tập kết rác của khoa	x	x	x	x				
		Vệ sinh thùng rác và thay túi đựng rác	x	x					Và khi cần	
		Vận chuyển rác tới nơi tập kết rác của bệnh viện	x	x	x					
		Xử lý các vết mốc tường						x		
		Vệ sinh tổng thể					x			
		Kiểm tra và làm sạch suốt thời gian làm việc	Thường xuyên							
10	Các phòng chức năng: văn phòng, hội trường, phòng học, phòng thanh toán, phòng nhân viên	Quét mạng nhện tường, trần thạch cao, lồng bảo vệ bóng đèn. Lau hóa chất trần kim loại						x	Và khi cần	
		Tẩy các vết ố, bẩn bám trên sàn	x	x						Và khi cần
		Thu gom rác nổi	x	x						Và khi cần
		Lau sàn bằng cây lau và hóa chất chuyên dụng	x	x						Và khi cần
		Lau cửa sổ, cửa ra vào, cửa chớp, rèm cửa						x		
		Quạt làm mát, quạt hút gió: tháo quạt, làm sạch, lắp quạt							x	
		Khử mùi, vệ sinh bằng hóa chất chuyên dụng	x	x						
		Xử lý các vết mốc tường							x	
		Vệ sinh thùng rác và thay túi đựng rác	x	x						
		Lau bàn ghế, các tủ						x		
Làm sạch, khử mùi, tiệt trùng nhà vệ sinh (nếu	x	x							và khi cần	

TT	Khu vực được vệ sinh	Nội dung công việc	Tần suất (số lần tối thiểu)				Ghi chú		
			Hàng ngày		Tuần	Tháng			
		có)							
		Vệ sinh bồn rửa tay, gương (nếu có)	x	x					
		Thu gom và vận chuyển rác tới nơi quy định	x	x					
		Vệ sinh tổng thể				x			
		Kiểm tra và làm sạch suốt thời gian làm việc	Thường xuyên						
11	Phòng để dụng cụ, phương tiện	Quét mạng nhện tường, trần thạch cao. Lau hóa chất trần kim loại					x	Và khi bản	
		Tẩy các vết ố, bẩn bám trên sàn	x	x				Và khi bản	
		Thu gom rác nội	x	x				Và khi đầy	
		Lau sàn bằng cây lau và hóa chất chuyên dụng	x	x				Và khi bản	
		Lau cửa sổ, cửa ra vào, cửa chớp, rèm cửa					x	Và khi bản	
		Quạt đảo trần, quạt hút gió: tháo quạt, làm sạch, lắp quạt						x	
		Khử mùi, vệ sinh bằng hóa chất chuyên dụng	x	x					
		Vệ sinh thùng rác và thay túi đựng rác	x	x					Và khi bản
		Lau bàn ghế, các tủ					x		
		Làm sạch, khử mùi, tiệt trùng nhà vệ sinh (nếu có)	x	x					và khi cần
		Vệ sinh bồn rửa tay, gương (nếu có)	x	x					
		Xử lý các vết mốc tường						x	
		Thu gom và vận chuyển rác tới nơi quy định	x	x					
		Vệ sinh tổng thể				x			
		Kiểm tra và làm sạch	Thường xuyên						

TT	Khu vực được vệ sinh	Nội dung công việc	Tần suất (số lần tối thiểu)					Ghi chú	
			Hàng ngày		Tuần	Tháng			
		suốt thời gian làm việc							
12	Các phòng chuyên môn: phòng khám, phòng xét nghiệm, phòng khử trùng	Quét mạng nhện tường, trần thạch cao. Lau hóa chất trần kim loại						x	Và khi bản
		Tẩy các vết ố, bẩn bám trên sàn	x	x					
		Thu gom rác nổi bằng chổi	x	x	x				
		Lau sàn bằng cây lau và hóa chất chuyên dụng	x	x	x				
		Lau cửa sổ, cửa ra vào, cửa chớp					x		
		Xử lý các vết mốc tường							x
		Lau quạt treo tường, quạt đảo trần, quạt cây, quạt hút gió: tháo quạt, làm sạch, lắp quạt					x		
		Khử mùi, vệ sinh bằng hóa chất chuyên dụng	x	x					
13	Các phòng chuyên môn: phòng khám, phòng xét nghiệm, phòng khử trùng	Vệ sinh thùng rác và thay túi đựng rác	x	x					
		Làm sạch, khử mùi, tiệt trùng nhà vệ sinh (nếu có)	x	x	x				
		Vệ sinh bồn rửa tay, gương (nếu có)	x	x					
		Thu gom và vận chuyển rác tới nơi quy định	x	x					
		Vệ sinh tổng thể					x		
		Xử lý các vết mốc tường							x
		Kiểm tra và làm sạch suốt thời gian làm việc	Thường xuyên						
14	Khu vực ngoại cảnh	Quét, thu gom rác, vận chuyển rác ở sân trước, sân sau, sân trước nhà tang lễ, các đường đi	x	x					

TT	Khu vực được vệ sinh	Nội dung công việc	Tần suất (số lần tối thiểu)				Ghi chú
			Hàng ngày		Tuần	Tháng	
		xung quanh tòa nhà tới nơi quy định					
		Thu gom rác và vận chuyển rác tại viện hoa, viện xanh	x	x			
		Nhặt rác, lá rụng ở bồn cây, tiểu cảnh.	x	x			
		Thu gom rác, làm sạch các bậc tam cấp	x	x			
		Vệ sinh các thùng rác, nơi tập kết rác bệnh viện	x	x			
		Thu gom rác, làm sạch khu vực phía ngoài bệnh viện : vỉa hè từ cổng số 1 đến cổng số 4 của bệnh viện, đường đi cổng số vào nhà tang lễ, bãi đậu xe ô tô của người nhà, nhà thuốc bệnh viện	x	x			x
						Và khi bản	
							Và khi bản
15	Khu vực tầng hầm và khu vực đổ rác	Đánh sàn tầng hầm bằng máy chuyên dụng				x	
		Vệ sinh sàn của tầng hầm	x	x			
		Vệ sinh các hộc đổ rác trên khoa	x	x			
		Vận chuyển rác từ hộc rác về nơi tập kết rác	x	x			
		Vệ sinh hộc rác dưới tầng hầm	x	x			
		Thu gom rác nổi tại tầng hầm	x	x			
16	Khu vực tầng hầm và khu vực đổ	Khử mùi , tiệt trùng tầng hầm	x	x			
		Vệ sinh tổng thể				x	
		Kiểm tra và làm sạch suốt thời gian làm việc	Thường xuyên				

TT	Khu vực được vệ sinh rác	Nội dung công việc	Tần suất (số lần tối thiểu)				Ghi chú
			Hàng ngày	Tuần	Tháng		
17	Xe vận chuyển cấp cứu	Quét dọn vệ sinh và làm sạch	x				Vào mỗi buổi sáng và sau khi vận chuyển người bệnh tử vong
		Khử mùi, tiệt trùng bằng hóa chất	x				
18		Lau kính, lau tường ốp phía ngoài tòa nhà 07 tầng, tòa nhà ban bảo vệ sức khỏe cán bộ tỉnh, Trung tâm Bệnh nhiệt đới.					01 năm/01 lần
19		Khắc phục các sự cố về công tác vệ sinh, xử lý chất thải					Khi có sự cố, khi bệnh viện yêu cầu

2.2. Phạm vi yêu cầu đối với công việc lau kính trên cao ngoài tòa nhà (Trên 3m)

Stt	Khu vực thi công	Nội dung công việc phải làm
1	Khu vực mặt hông nhà 7 tầng (Phía khoa Nội thận)	<ul style="list-style-type: none"> - Loại bỏ mạng nhện - Làm sạch bề mặt bằng hóa chất chuyên dụng
2	Khu vực mặt hông nhà 7 tầng (Từ khoa cấp cứu đến khoa Nội A)	
3	Khu vực mặt trước nhà 7 tầng (Khoa cấp cứu)	
4	Khu vực mặt trước nhà 7 tầng (Sảnh trước + Nội thận)	
5	Tòa nhà ban bảo vệ sức khỏe cán bộ tỉnh	

6	Trung tâm bệnh nhiệt đới	
---	--------------------------	--

3. Chất lượng đầu ra của dịch vụ.

Danh mục dịch vụ	Yêu cầu về chất lượng
1. Sảnh ra vào, sảnh chờ, hành lang, cầu nối các tòa nhà	
1.1. Bề mặt cửa/Khung cửa	- Không có bụi và vết bẩn
1.2. Sàn	- Sàn nhẵn không có bụi và vết bẩn - Vết bẩn nhám không xuất hiện trên mặt sàn - Sàn được phủ bằng vinyl không được có vết bẩn nhìn thấy được bằng mắt thường.
1.3. Tường/Vách ngăn	- Không có bụi và vết bẩn - Khung của vách ngăn dựng lên không có bụi và vết bẩn
1.4. Kính/Cửa sổ	- Luôn sạch sẽ, không có vết bẩn, bụi bám.
1.5. Thiết bị/Nội thất	- Luôn sạch sẽ, không có vết bẩn, bụi bám.
1.6. Công tắc/Bảng chỉ dẫn	- Luôn sạch sẽ, không có vết bẩn, bụi bám.
1.7. Lan can	- Luôn sạch sẽ, không có vết bẩn, bụi bám.
1.8. Cuộn dây vòi cứu hỏa/Bình cứu hỏa	- Luôn sạch sẽ, không có vết bẩn, bụi bám.
2. Nhà vệ sinh	
2.1. Bề mặt cửa/Khung cửa	- Không có bụi và vết bẩn
2.2. Sàn (bao gồm cả nắp thoát nước)	- Không có bụi, bùn đất và vết bẩn
2.3. Vách ngăn/Tường	- Không có bụi và vết bẩn - Khung của vách ngăn dựng lên không có bụi và vết bẩn
2.4. Bảng kính/Cửa sổ	- Không có bụi và vết bẩn
2.5. Gương	- Không có bụi và vết bẩn
2.6. Thiết bị/Nội thất	- Không có bụi và vết bẩn
2.7. Công tắc/Ổ điện/Bảng chỉ dẫn	- Không có bụi và vết bẩn
2.8. Chậu rửa tay/ Bàn chậu	- Không có bụi và vết bẩn - Vòi nước không có vết bẩn

Danh mục dịch vụ	Yêu cầu về chất lượng
	- Không có tóc và rác trên lưới lọc trong lỗ thoát nước
2.9. Bồn cầu	- Lòng bồn cầu không có vết bẩn - Không có mùi hôi - Không xuất hiện cặn đá vôi - Bên ngoài bồn cầu không có bụi và vết bẩn
2.10. Nắp bồn cầu	- Cả mặt trên và mặt dưới nắp bồn cầu không có bụi và vết bẩn
2.11. Thiết bị xả nước	- Cản gạt của thiết bị xả nước, bể nước gắn thấp và ống thoát nước của bồn cầu hoặc tiểu nam không có bụi và vết bẩn - Các phần còn lại của hệ thống (như bể nước gắn cao) phải sạch sẽ không có vết bẩn hoặc bụi.
2.12. Phòng tắm: 2.12.1. Thiết bị vòi tắm 2.12.2. Sàn phòng tắm, bao gồm cả khe thoát nước 2.12.3. Tường phòng tắm	- Tất cả 3 thành phần trên không có bụi và vết bẩn - Không có tóc hoặc rác trên khe thoát nước
2.13. Hộp đựng giấy vệ sinh	- Không có bụi và vết bẩn
2.14. Nơi treo giấy vệ sinh	- Không có bụi và vết bẩn
2.15. Thùng rác	- Không có rác bừa bãi trên nền nhà - Thùng rác được thay túi rác hàng ngày. - Bên ngoài thùng rác được cọ rửa thường xuyên.
3. Thang máy, thang bộ	
3.1. Sàn/Tường/Cửa	- Sàn không có bụi - Các vách bên trong thùng thang và bảng điều khiển không có bụi và vết bẩn
3.2. Góc thang và đèn	- Không có bụi
3.3. Ray trượt cửa thang máy	- Không có các mảnh vụn
3.4. Lan can tay vịn thang bộ	- Không có mạng nhện, không có bụi
4. Các phòng làm việc, buồng bệnh, buồng khám, buồng thủ thuật	
4.1. Bề mặt cửa/Khung cửa	- Không có bụi và vết bẩn
4.2. Sàn	- Sàn nhẵn không có bụi và vết bẩn, vết máu... - Vết bẩn nhám không xuất hiện trên mặt sàn

Danh mục dịch vụ	Yêu cầu về chất lượng
	- Sàn được phủ bằng vinyl không được có vết bẩn nhìn thấy được bằng mắt thường.
4.3. Tường/Vách ngăn/Trần nhà	- Không có bụi, vết bẩn, mạng nhện - Khung cửa vách ngăn dựng lên không có bụi và vết bẩn
4.4. Kính/Cửa sổ	- Không có bụi và vết bẩn
4.5. Thiết bị/Nội thất	- Không có bụi và vết bẩn
4.6. Công tắc/Bảng chỉ dẫn	- Không có bụi và vết bẩn
4.7. Cuộn dây vòi cứu hỏa/Bình cứu hỏa	- Không có bụi và vết bẩn
4.8. Thùng đựng giấy rác	- Không có rác bừa bãi trên nền nhà - Thùng rác được rửa thường xuyên. - Bên ngoài nắp thùng không có bụi và vết bẩn.
5. Trần nhà	
5.1. Thiết bị chiếu sáng	- Không có bụi, vết bẩn, mạng nhện
5.2. Lỗ thông hơi	- Không có bụi, vết bẩn, mạng nhện
5.3. Tấm trần/quạt trần	- Không có bụi, mạng nhện
5.4. Ống dẫn	- Không có bụi
6. Chậu cây, bồn cây	- Không có đầu mẫu thuốc lá - Không có rác và mảnh vụn - Định kỳ tỉa bớt cành cây.
7. Mặt tiền bên ngoài	
7.1. Tường	- Không có chất bẩn không làm sạch được
7.2. Bề mặt kính	- Không có chất bẩn không làm sạch được
8. Mái nhà	
8.1. Bề mặt mái nhà	- Không có cát, rác, mảnh vụn
8.2. Lối thoát nước mưa	- Không có cát, rác, mảnh vụn
8.3. Rãnh nước	- Không có cát, rác, mảnh vụn
9. Khu vực đường đi, bãi đậu xe, sân, vỉa hè đi bộ	- Không có cát, rác, mảnh vụn - Khô ráo
10. Khu vực ngoại cảnh	- Không có rác - Không có lá và cành khô
11. Đường thoát nước	- Không có cát, đất, rác
12. Khu vực tập kết rác, cửa thoát rác	- Sắp xếp gọn gàng khi tập kết rác - Không có rác và mảnh vụn rơi vãi - Không có vết bẩn và chất thải rắn trên tường - Không có mùi hôi

Danh mục dịch vụ	Yêu cầu về chất lượng
13. Thùng rác	<ul style="list-style-type: none"> - Không có mùi hôi - Hàng ngày phải thu gom rác trong thùng đưa về nơi tập kết. Không để rác đầy quá 2/3 thùng. - Không có vết bẩn ngoài thùng
14. Thời gian làm việc	<ul style="list-style-type: none"> - Nhân viên được bố trí làm tất cả các ngày, cụ thể: - Hàng ngày từ thứ 2 đến thứ 6: bố trí 100% nhân lực - Thứ 7, chủ nhật, lễ tết: bố trí 50% nhân lực - Đối với các khu vực làm ca: bố trí ca theo mô tả vị trí công việc (mục 1.2) - Đối với khu vực hành chính: bố trí làm từ 6h đến 16h có nghỉ trưa. - Đối với làm ngoài giờ các khu vực công cộng: bố trí từ 16h đến 22h.
15. Việc thực hiện các nội quy, quy định	<ul style="list-style-type: none"> - Tuân thủ đầy đủ mọi nội quy, quy chế, quy trình làm sạch tại Bệnh viện. - Tuân thủ các quy định về an toàn lao động, an toàn phòng cháy chữa cháy.
16. Trang thiết bị bảo hộ, công cụ, dụng cụ làm việc	<ul style="list-style-type: none"> - Nhân viên mặc đồng phục, đeo biển tên theo quy định trong suốt thời gian làm việc - Được trang bị dụng cụ, công cụ hỗ trợ đầy đủ. - Có sổ sách ghi chép, báo cáo định kỳ khi yêu cầu.

4. Máy móc dùng trong vệ sinh bệnh viện:

4.1 Yêu cầu chung

- Có đầy đủ máy móc thiết bị chuyên dụng phục vụ dịch vụ vệ sinh công nghiệp như máy đánh sàn ngồi lái, máy đánh sàn liên hợp tự động, máy đánh sàn đơn, máy phun rửa áp lực, máy hút bụi, máy giặt, máy sấy.
- Máy móc thiết bị, dụng cụ làm sạch đảm bảo đủ số lượng, đúng tiêu chuẩn kỹ thuật phục vụ cho công việc làm sạch hàng ngày tại bệnh viện, máy móc thiết bị, dụng cụ làm sạch dùng cho công việc vệ sinh làm sạch phải có tài liệu chứng minh về nguồn gốc xuất xứ, với thiết bị máy móc dùng cho công việc vệ sinh làm sạch.

- Máy móc còn mới, còn khấu hao và sử dụng tốt. Nhà thầu chứng minh năng lực bảo trì thiết bị (Bao gồm khả năng thay thế, sửa chữa, duy tu bảo dưỡng thiết bị đảm bảo 100% thiết bị vận hành tốt trong quá trình thực hiện hợp đồng, thời gian khắc phục/ thay thế sửa chữa không quá 48h)

4.2 Yêu cầu cụ thể

STT	Tên máy	Tiêu chí kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
1	Rô bốt vệ sinh công nghiệp tự động	<ul style="list-style-type: none"> -Robot vệ sinh công nghiệp tự động lau và chà sàn. +Chiều cao $\geq 800\text{mm}$ +Trang bị tối thiểu các cảm biến: LiDAR, chống va chạm. +Thời gian sạc đầy ≤ 3.5 giờ +Thời gian hoạt động: Chà sàn ≥ 2.5 giờ; lau bụi ≥ 6 giờ +Hiệu suất làm sạch thực tế $\geq 500\text{m}^2/\text{giờ}$; tốc độ làm sạch tối đa $\geq 1\text{m} / \text{giây}$ +Dung tích bồn chứa nước sạch ≥ 22 lít +Dung tích bồn chứa nước thải ≥ 20 lít -Trạm sạc có khả năng cấp nước sạch, đổ nước bẩn, sử dụng điện 220v 	Máy	02
2	Máy đánh sàn đa năng công suất cao có ghé lái	<ul style="list-style-type: none"> - Máy đánh sàn liên hợp đa năng có ghé lái, loại công suất cao. - Công suất làm sạch $\geq 4200\text{m}^2/\text{h}$ công suất bàn chải $\geq 450\text{W}$, công suất mô tơ hút $\geq 450\text{W}$, 2 chổi đường kính $\geq 41\text{cm}$. Tốc độ bàn chải/bàn gắn phớt ≥ 225 vòng/phút. Áp lực chải chải, bàn gắn phớt: $\geq 36/54/73$ kg. Dung tích bình chứa dung dịch $\geq 110\text{L}$, dung tích bình chứa chất thải $\geq 110\text{L}$. Độ ồn ≤ 67 dB. Hoặc cấu hình tương đương - Cơ chế lái: ngồi lái. Chạy bằng ác quy $\geq 24\text{V}$ 	Cái	02
3	Máy đánh sàn liên hợp tự động	<ul style="list-style-type: none"> - Máy đánh sàn liên hợp đa năng loại đẩy tay - Công suất làm sạch ≥ 1600 m²/h, công suất bàn chải $\geq 450\text{W}$, công suất mô tơ hút $\geq 450\text{W}$, dung tích bình chứa dung dịch $\geq 40\text{L}$, dung tích bình chứa chất thải 	Cái	01

STT	Tên máy	Tiêu chí kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng
		≥ 40L. Độ ồn ≤ 67 dB. - Cơ chế lái: đẩy tay. Chạy bằng ắc quy ≥ 24V		
4	Máy đánh sàn đơn	- Công suất mô tơ ≥ 450W, tốc độ bàn chải ≥ 170 vòng/ phút, dùng điện 220V. Công suất làm sạch ≥ 180m ² /giờ. Đường kính bàn chải ≥ 40cm. Dung tích bình dung dịch ≥ 10L. Độ ồn ≤ 60dB	Cái	02
5	Máy hút bụi	Công suất mô tơ ≥ 3000W, dung tích bình chứa ≥ 70L, điện áp 220v/50Hz, lưu lượng khí ≥ 8000L/phút, độ ồn ≤ 75dBA	Cái	02
6	Máy Phun áp lực	Máy Phun áp lực cao - Motor tự động: ≥ 3KW - Áp lực làm việc: ≥ 30-110 bar - Lưu lượng nước: ≤ 720 lít/giờ - Bình đựng dung dịch: ≥ 7,5l - Đặc điểm: Ống áp lực, súng phun, đầu phun lựa chọn áp suất cao/ thấp và điều chỉnh góc phun	Cái	02
7	Máy giặt	- Khối lượng giặt ≥ 10kg - Loại Digital inverter - Tốc độ vắt ≥ 1400 vòng/phút - Chống rung, chống ồn	Cái	02
8	Máy sấy	- Khối lượng sấy ≥ 10kg - Loại Inverter - Nhiệt độ sấy tối đa ≥ 65°C	Cái	01
9	Xe làm vệ sinh đa năng	Xe 3 tầng KT: 114 x 51 x 98cm ± 5 bao gồm túi đựng rác có nắp đậy	Cái	75
10	Ắc quy máy đánh sàn đa năng có ghế lái	- Điện áp ≥ 6V, Dung lượng ≥ 240Ah	Cái	8
11	Ắc quy máy liên hợp tự động	- Điện áp ≥ 12V, Dung lượng ≥ 150Ah	Cái	4

5. Bảo hộ lao động, dụng cụ, vật tư tiêu hao

STT	Tên loại	ĐVT	Số lượng tối thiểu sử dụng trong 24 tháng
1	Khung cho tấm lau (cây lau)	Cái	230
2	Tải lau sàn có phân màu theo các vùng vệ sinh (2364 đỏ, 2880 vàng, 720 xanh, 720 trắng)	Cái	6684
3	Cây gạt nước sàn	Cái	260
4	Cây cọ bồn cầu	Cái	1676
5	Chổi cước	Cái	744
6	Chốt chít cán dài (chổi đót)	Cái	444
7	Hốt rác cán dài	Cái	296
8	Cây gạt kính cầm tay	Cái	148
9	Cây gạt kính cán dài	Cái	16
10	Gắp rác	Cái	130
11	Dũa sàn inox	Cái	130
12	Chổi quét mạng nhện cán dài	Cái	130
13	Chổi thanh hao cán dài	Cái	240
14	Bình xịt nhựa đựng hóa chất	Cái	272
15	Khăn lau kính	Cái	924
16	Khăn lau các loại	Kg	264
17	Phớt cọ xanh (miếng nhám xanh)	Miếng	2640
18	Cốc đong hóa chất có chia vạch	Cái	116
19	Găng tay cao su	Đôi	3264
20	Bảo hộ lao động (ủng, giày, đồng phục)	Bộ	230
21	Khẩu trang y tế	Hộp/50 cái	1650
22	Vòi nước	Mét	100
23	Thang nhôm	Cái	4
24	Biển báo sàn ướt	Cái	67
25	Dây điện 2*2,5 mm	Mét	120
26	Áo mưa	Bộ	58
27	Cuốc	Cái	4
28	Kim	Cái	4
29	Kéo	Cái	4
30	Búa đinh	Cái	4
31	Liềm	Cái	4
32	Dao chặt cây	Cái	4
33	Can đựng hóa chất (2 lít)	Cái	225

6. Hóa chất

- Hóa chất có nguồn gốc, xuất xứ rõ ràng, còn hạn sử dụng được ghi rõ trên bao bì sản phẩm. Có tài liệu công bố rõ ràng thành phần, tác dụng, chỉ định của nhà sản xuất. Hóa chất của nhà sản xuất đạt tiêu chuẩn quản lý chất lượng ISO 9001:2015
- Hoá chất, chế phẩm khử khuẩn sử dụng phải đúng theo quy định của Bộ Y tế.
- Hóa chất sử dụng phù hợp bề mặt vật liệu cần vệ sinh tại Bệnh viện, đảm bảo vệ sinh sạch sẽ, có mùi thơm dễ chịu, kéo dài tuổi thọ các bề mặt và phải có chứng nhận của nơi sản xuất.
- Hóa chất làm sạch nhà vệ sinh cung cấp tài liệu chứng minh khả năng diệt khuẩn
- Số lượng hóa chất sử dụng cho công trình phải đáp ứng đủ số lượng cho diện tích Bệnh viện .
- Hóa chất có thể thay đổi theo yêu cầu của đơn vị chủ quản.

TT	Loại hóa chất	ĐVT	Số lượng tối thiểu sử dụng trong 24 tháng
1	Hóa chất làm sạch Lix hoặc tương đương	Lít	10560
2	Hóa chất lau kính Gif hoặc tương đương	Lít	1,320
3	Hóa chất tẩy bồn cầu Vim hoặc tương đương	Lít	2,400
4	Hóa chất làm sạch đa năng lau các bề mặt Sumo đa năng hoặc tương đương	Lít	1,584
5	Hóa chất tẩy rửa đậm đặc 200 ACI-CLEAN hoặc tương đương	Lít	60
6	Xà phòng Ô mô hoặc tương đương	Kg	2,400
7	Javen 10-12%	Lít	6,600
8	Tinh dầu sả, hoặc tinh dầu quế	Lít	60